

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 18/2018/KDTM-PT

Ngày 16 – 5 – 2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 55/2015/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm: 866/2016/KDTM-ST ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 03 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc P1 – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã L1, huyện L2, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 19/8/2014): Ông Trần Quang V1, sinh năm 1974; địa chỉ: 28/7 đường V2, thành phố V3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt).

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt A1 – Tổng Giám đốc Công ty, (vắng mặt).

Địa chỉ: 934D3 đường D, Khu công nghiệp Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 02/2016/UQ-NTS ngày 3/3/2016): Ông Chế Văn K1, sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: 60/11 Đường 22, Khu phố 4, phường L3, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22/10/2013 và những lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn - Ông Trần Quang V1 trình bày:*

Ngày 13/5/2011 Công ty TNHH X có 01 đơn đặt hàng bao bì với Công ty S mua túi PE loại 1, quy cách: 60cm x 90cm, số lượng là 6000kg, thành tiền là 250.000.000 đồng (bao gồm thuế VAT).

Ngày 30/5/2011 Công ty S giao lô hàng thứ nhất cho Công ty TNHH X với số lượng 3240kg theo hóa đơn số 004218.

Ngày 13/6/2011 Công ty S giao lô hàng thứ hai cho Công ty TNHH X với số lượng 3420kg theo hóa đơn số 004333.

Ngày 10/10/2011 Công ty S giao lô hàng thứ ba cho Công ty TNHH X với số lượng 567kg theo hóa đơn số 0000491.

Công ty TNHH X đã sử dụng lô hàng thứ nhất để đóng gói hàng hóa xuất đi nước ngoài cho khách hàng G tại Hàn Quốc.

Địa chỉ trụ sở: RM909, Keumkang Penterium It Tower, 333-7, Sangdeawon-Dong, Jongwon-Gu, Seongnam SI, Gyeonggi-Do, Korea.

Ngày 25/8/2011 khách hàng đã gửi thư phản nàn với Công ty TNHH X về việc bao bì kém chất lượng, bị rách và bục chỉ dẫn tới việc làm cho hàng hóa bên trong bị thiệt hại nghiêm trọng. Phía công ty Hàn Quốc yêu cầu Công ty TNHH X phải bồi thường thiệt hại cho những lô hàng bị hư hỏng với số tiền là 32.000 USD theo công văn gửi khách hàng ngày 10/10/2011. Sau khi thương lượng với khách

hàng tại Hàn Quốc, số tiền Công ty TNHH X phải bồi thường là 20.000 USD. Công ty TNHH X đã bồi thường số tiền trên cho khách hàng tại Hàn Quốc.

Ngày 15/8/2011, sau khi nhận được thông tin hàng, Công ty TNHH X đã gửi công văn số 06/CV/NTK-2011 cho Công ty S về việc bao bì bị hư hỏng và kém chất lượng.

Ngày 17/8/2011, Công ty S đã đến Công ty TNHH X kiểm tra, làm việc và xác nhận bằng Biên bản về việc bao bì kém chất lượng. Sau đó, Công ty S đã có quyết định thu hồi 02 lô hàng bao bì kém chất lượng còn lại trong thời gian 03 ngày sau khi lập Biên bản.

Ngày 22/9/2011, Công ty S đã gửi công văn về việc chia sẻ thất thoát với Công ty TNHH X số tiền là 12.686.300 đồng.

Ngày 28/9/2011, Công ty TNHH X phản hồi bằng công văn số 08/2011-NTX yêu cầu Công ty S phải bồi thường số tiền 113.249.042 đồng tương đương 30% trên tổng giá trị 20.000 USD Công ty TNHH X phải bồi thường cho khách hàng.

Ngày 27/10/2011, Công ty S phản hồi công văn ngày 28/9/2011 của Công ty TNHH X không đồng ý với mức bồi thường trên và vẫn giữ nguyên mức chia sẻ tổn thất ban đầu là 12.686.300 đồng, ngoài ra còn yêu cầu Công ty TNHH X phải thanh toán công nợ còn lại.

Tại thời điểm trên, Công ty TNHH X vẫn còn nợ tiền hàng của công ty S là 93.987.000 đồng, Công ty TNHH X muốn căn trừ số tiền bồi thường vào số tiền công nợ.

Sau sự việc này, công ty S đã đưa đơn khởi kiện Công ty TNHH X tại Tòa án nhân dân huyện L2.

Tại phiên hòa giải ngày 17/3/2013, Công ty TNHH X xác nhận còn nợ công ty S số tiền 93.987.000 đồng nhưng Công ty TNHH X hoàn toàn không đồng ý thanh toán số tiền trên vì bao bì không đạt chất lượng yêu cầu. Nhưng do Công ty TNHH X không hiểu rõ về hình thức luật tố tụng nên đã ký vào biên bản xác nhận số tiền công nợ nói trên. Số tiền 93.987.000 đồng là số tiền hàng Công ty TNHH X xác nhận còn nợ công ty S, chưa căn trừ số tiền 12.686.300 đồng mà Công ty S muốn chia sẻ tổn thất, vì Công ty TNHH X không đồng ý với mức chia sẻ tổn thất trên.

Ngày 14/7/2013, Công ty TNHH X nhận được quyết định yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty S của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L2.

Ngày 05/11/2013, Công ty TNHH X khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 2 yêu cầu Công ty S phải bồi thường thiệt hại với số tiền cụ thể: 113.249.041 đồng.

- Bị đơn Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu S có người đại diện theo ủy quyền là ông Chế Văn K1 trình bày:

Công ty S và Công ty TNHH X có ký biên bản thỏa thuận mua bán bao bì túi nylon. Trong quá trình giao dịch mua bán, tính đến tháng 5/2012, Công ty TNHH X còn nợ số tiền 84.483.000 đồng và khoản tiền lãi chậm trả tạm tính là 8.895.000 đồng.

Ngày 16/11/2012 Công ty S đã khởi kiện Công ty TNHH X yêu cầu thanh toán số tiền trên.

Ngày 11/4/2013 Tòa án nhân dân huyện L2 tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và yêu cầu Công ty TNHH X phải trả cho Công ty S số tiền 93.987.000 đồng. Tính đến nay, Công ty S vẫn chưa nhận được số tiền trên từ Công ty TNHH X.

Về số lượng hàng không đạt yêu cầu mà Công ty TNHH X nêu: Công ty S đã nhận về tổng cộng 2.853kg. Tổng số hàng hư Công ty TNHH X đã đưa vào sản xuất là 607kg. Công ty S đã giải quyết bằng cách giảm 50%, tương đương số tiền là 12.686.300 đồng. Nhưng Công ty TNHH X không đồng ý với mức giảm giá trên.

Khi Công ty S giao hàng đã không nhận được bất kỳ thông tin, công văn nào về chất lượng sản phẩm không phù hợp, đến khi Công ty TNHH X xuất hàng sang Hàn Quốc mới có phản hồi cho Công ty S về hàng không đạt chất lượng. Vì vậy, công ty S không chịu trách nhiệm về số hàng lỗi mà Công ty TNHH X đã xuất bán cho khách hàng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm: 866/2016/KDTM-ST ngày 23 tháng 8 năm 2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 302, 303 Luật thương mại; các Điều 5, 18, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH X, số tiền cụ thể 113.249.042 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S về việc giảm tiền hàng, trả cho Công ty TNHH X số tiền 12.686.300 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ của người phải thi hành trong việc chậm thi hành án, tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/9/2016, nguyên đơn Công ty TNHH X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH X vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục tổ tụng giải quyết vụ án và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH X: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì không xác định được hàng hóa do Công ty TNHH X xuất khẩu bị hư hỏng là do bao bì không đạt chất lượng vì trong quá trình xuất khẩu hàng hóa bị hư hỏng còn có thể do nhiều nguyên nhân khác. Vì vậy, chưa có căn cứ xác định hàng hóa của Công ty TNHH X hư hỏng do lỗi của công ty S. Tuy nhiên, Công ty S đã có thiện chí đồng ý giảm 50% giá trị lô hàng mà bên nguyên đơn đã sử dụng tương đương 12.686.300 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S phải bồi thường thiệt hại cho công ty TNHH X với số tiền 113.249.042 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S về việc giảm tiền hàng, trả cho công ty TNHH X số tiền 12.686.300 đồng, là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH X, giữ nguyên bản bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH X nộp trong thời hạn, đúng thủ tục tố tụng quy định pháp luật nên hợp lệ; được xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các đương sự đã thống nhất thừa nhận: Thực hiện theo Biên bản thỏa thuận đặt hàng ngày 13/5/2011, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S đã giao cho Công ty TNHH X 03 đợt hàng là túi PE loại 1, quy cách: 60cm x 90cm vào các ngày 30/5/2011, 30/6/2011 và 10/10/2011, tổng cộng là 7.227kg. Qua xem xét Biên bản thỏa thuận đặt hàng giữa hai bên thì không có điều khoản nào quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có thiệt hại xảy ra. Tại thời điểm nhận hàng Công ty TNHH X cũng không có ý kiến gì về chất lượng bao bì mẫu mã của sản phẩm mua từ Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S.

[2.2] Sau khi khách hàng tại Hàn Quốc yêu cầu Công ty TNHH X phải bồi thường thiệt hại cho những lô hàng bị hư hỏng thì Công ty TNHH X mới gửi công văn cho Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S về việc bao bì bị hư hỏng và kém chất lượng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thu thập chứng cứ đối với khách hàng của nguyên đơn là Công ty G tại Hàn Quốc. Căn cứ công văn trả lời của Công ty G có nội dung xác nhận nguyên đơn đã bồi thường 20.000 USD cho Công ty G vì lô hàng lần sản phẩm có bao bì bị vỡ. Tuy nhiên, không đủ cơ sở để xác định hàng hóa do Công ty TNHH X xuất khẩu bị hư hỏng là do bao bì không đạt chất lượng, vì trong quá trình xuất khẩu hàng hóa bị hư hỏng còn có thể do nhiều nguyên nhân khác.

[2.3] Mặc dù chưa có căn cứ xác định hàng hóa của Công ty TNHH X hư hỏng do lỗi của Công ty S, nhưng Công ty S đã có thiện chí đồng ý giảm 50% giá trị lô hàng mà bên nguyên đơn đã sử dụng tương đương 12.686.300 đồng. Hơn nữa, tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2013/QĐST-KDTM ngày 11/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện L2, tỉnh Đồng Nai, Công ty TNHH X cũng đã đồng ý trả cho Công ty S số tiền mua hàng còn thiếu là 93.987.000 đồng.

[2.4] Với những tài liệu, chứng cứ được xem xét, phân tích như trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S phải bồi thường thiệt hại cho công ty TNHH X với số tiền 113.249.042 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S về việc giảm tiền hàng, trả cho công ty TNHH

X số tiền 12.686.300 đồng, là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của của nguyên đơn Công ty TNHH X; giữ nguyên bản án sơ thẩm: 866/2016/KDTM-ST ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Công ty TNHH X phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH X; giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm: 866/2016/KDTM-ST ngày 23/8/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 302, 303 Luật thương mại; các Điều 5, 18, 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH X, số tiền cụ thể 113.249.042 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S về việc giảm tiền hàng, trả cho Công ty TNHH X số tiền 12.686.300đ (mười hai triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm đồng).

Kể từ ngày Công ty TNHH X có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S không thi hành án số tiền trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu S phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty TNHH X phải chịu: 5.662.452 đồng, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.831.226 đồng, theo Biên lai thu số AG/2011/03737, ngày 11/11/2013 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH X còn phải nộp thêm 2.831.226 đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH X phải chịu 200.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng, theo Biên lai thu số AA/2016/0031091 ngày 13/9/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH X đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án là ngày 16 tháng 5 năm 2018./.

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trung Tuấn

Trần Văn Mười

Đỗ Đình Thanh